

NHỮNG TÀN BẢN TRẦN QUÝ CỦA BỘ TUỒNG CUNG ĐÌNH NGUYỄN - QUẦN PHƯƠNG TẬP KHÁNH

Nguyễn Tô Lan*

Tuồng là một trong những bộ môn nghệ thuật truyền thống tiêu biểu và đặc sắc của Việt Nam. Được coi là có mầm mống từ rất sớm trong lịch sử dựa trên nghệ thuật diễn xướng truyền thống dân tộc đồng thời hấp thu các yếu tố ngoại lai rõ rệt vào thế kỷ XVIII, tuồng từng bước được hoàn thiện, phát triển vào thời Nguyễn và diễn trường sinh mệnh của nó cho tới ngày nay. Với tư cách là một loại hình sân khấu, tuồng được cấu thành bởi hai yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau là kịch bản và nghệ thuật biểu diễn. Trong khi nghệ thuật biểu diễn là đối tượng nghiên cứu của môn nghệ thuật học (âm nhạc, vũ đạo, trình thức v.v...) thì kịch bản với tư cách là một văn bản văn học lại là đối tượng của ngành văn học, trong đó nghiên cứu văn bản học là thao tác đầu tiên.

Khác với vai trò tương đối mờ nhạt trong văn học các triều đại trước đó, kịch bản tuồng dưới thời Nguyễn có một sinh mệnh khá mới mẻ. Được nuôi dưỡng từ thời các chúa Nguyễn, đến khi nhà Nguyễn thành lập (1802) và đặc biệt phát triển vào giai đoạn các triều vua Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848-1883) tuồng được coi là loại hình sân khấu thời thượng thu hút được lực lượng sáng tác gồm nhiều vương hầu, quý tộc, quan lại và trí thức xuất sắc đương thời. Lần đầu tiên trong lịch sử, văn bản tuồng được tập hợp, chỉnh lý và nhuận sắc dưới sự chỉ đạo của hoàng đế. Hệ thống kịch bản tuồng cung đình được hình thành trên cơ sở những kịch bản tuồng dân gian đã qua nhuận sắc và các tác phẩm biên soạn theo yêu cầu của hoàng đế. Những sáng tác theo “đơn đặt hàng” này thường được thực hiện bởi đội ngũ tác gia có trình độ, không những có giá trị cao về văn học và thẩm mỹ mà còn thể hiện đậm nét tính chất quan phương của triều đình. Được nhắc đến nhiều nhất trong mảng kịch bản tuồng này là bộ ba tuồng trường thiên *Vạn bửu trình tường* 萬寶呈祥, *Quần phương tập khánh* 群芳集慶, *Học lâm* 學林.

I. Bối cảnh nghiên cứu văn bản tuồng *Quần phương tập khánh*

Ngoài *Học lâm* hiện chưa tìm thấy văn bản, *Vạn bửu trình tường* và *Quần phương tập khánh* văn bản hiện vẫn còn nhưng trong tình trạng tàn khuyết ở các mức độ khác nhau. Như Hoàng Châu Ký trong *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng* thừa nhận: “Vở *Quần phương* lấy tên các thứ hoa để đặt tên cho nhân vật kịch như Mầu đơn, Bạch cúc, Tường vi. Hiện nay chúng tôi chưa sưu tầm được pho tuồng này nên chưa có thể tra cứu đầy đủ”.⁽¹⁾ Ngay cả trong mục từ “*Quần phương* hiến thụ”, *Từ điển Nghệ thuật hát bội Việt Nam* chỉ mô tả sơ lược và kết luận: “Rất tiếc là hiện nay cả pho tuồng chỉ còn mỗi một hồi Hải Đường-Thạch Trúc. Những hồi khác thất lạc ở đâu chưa tìm thấy”.⁽²⁾ Trong bài “*Khảo luận văn học tuồng (hát bội)*” của Hoàng Châu Ký viết chung cho tập 11, 12 *Tổng tập Văn học Việt Nam* cũng thừa nhận: “Cho đến nay chúng tôi chưa

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam.

tìm thấy pho nào hoàn chỉnh, chỉ đọc được một ít hồi của pho *Vạn bửu trình tường* và pho *Quần phương hiển thủy* người sau chép lại, không ghi tên tác giả.⁽⁴⁾ Chính vì tình trạng tàn nát và hiếm có của văn bản nên bộ tướng *Quần phương tập khánh*, dù đã được thừa nhận giá trị trong văn chương tuồng hát thời Nguyễn, nhưng trước sau nó chỉ mới được mô tả sơ lược trong các tài liệu nghiên cứu về tuồng nói chung hoặc tuồng Huế, tuồng cung đình Huế nói riêng ở các phương diện như sau.

Quần phương tập khánh chỉ được đề cập đến với tư cách là một bộ tướng được biên soạn dưới triều Nguyễn qua các tài liệu như *Lược khảo tuồng hát An Nam* của Đạm Phương nữ sử: “Lại khi châu hát trong Duyệt thị thời Nội các các quan có dâng nhiều vở tuồng mới, nếu pho tuồng nào hay, thường được thưởng, lại sao chép thành đôi ba bản, phân trí các sở tàng thơ. Pho tuồng như là *Quần phương hiển thoại*... vân vân”.⁽⁵⁾ Hoàng Châu Ký trong *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng* viết: “Sang thời Tự Đức (1848-1883) kịch bản tuồng xuất hiện nhiều chưa từng có, trong đó có những pho tuồng đồ sộ như *Vạn bửu trình tường*, *Quần phương*, *Học lâm*, mỗi pho phải diễn đến hàng trăm tối.”⁽⁶⁾ Tại trang 100, tác giả viết: “Đặc biệt Tự Đức đã tổ chức sáng tác ba pho *Vạn bảo*, *Quần phương* và *Học lâm*, có thể nói đó là ba tác phẩm đồ sộ, ba ‘công trình sáng tác’ tiêu biểu cho loại tuồng thời Tự Đức, mỗi pho trên đây phải diễn đến hàng trăm hồi”. Lê Văn Chiêu trong *Nghệ thuật sân khấu hát bội* khi viết về tác gia tuồng Đào Tấn có dẫn lại ý kiến của Đoàn Nồng về vở này: “Năm 1878 (Đào Tấn) thăng Thị độc Nội các và soạn tuồng *Từ quốc lai vương*, *Quần trân hiển thủy*, và soạn tiếp mấy hồi chót của tuồng *Vạn bửu trình tường*” v.v...⁽⁷⁾

Một số nghiên cứu khác có đưa ra thông tin hữu hạn về số lượng hồi và nội dung của vở, trích đoạn của vở này. Sớm nhất là Đoàn Nồng trong *Sự tích và nghệ thuật hát bội*⁽⁸⁾ khi giới thiệu về *Quần phương tập khánh* đã lược thuật hai lớp là Kim Bộ Diêu cứu Hải Đường-Thạch Trú và Kim Bộ Diêu đau. Theo nghiên cứu của chúng tôi đây là hai lớp đều thuộc hồi thứ nhất của *Quần phương tập khánh*, là hai lớp khá thông dụng trong các gánh tuồng hát bội tại Huế. Vì lẽ hồi này khá dài, nhiều trường đoạn, nên các gánh này chỉ chọn diễn một phần mà thôi. Đoàn Nồng không chỉ dẫn ông đã căn cứ vào văn bản nào. Tôn Thất Bình trong *Tuồng Huế* chép nội dung của vở này như sau: “*Quần phương hiển thủy* tương truyền cũng là một tác phẩm tuồng trường thiên, lấy tên hoa đặt cho nhân vật, lấy tính chất của mỗi loại hoa để tập trung thành hai phe: Hoa thơm ở phe chính diện, hoa hôi ở phe phản diện. Kết quả, phe chính diện thắng phe phản diện”.⁽⁹⁾ Lê Văn Chiêu: “Những kịch tác gia dùng ngòi bút linh hoạt sáng tác ra những vở tuồng bất hủ đều gởi gắm ý định của mình vào trong đó... vở tuồng *Quần phương hiển thủy* dùng tên các loài hoa làm tiêu biểu: hoa thơm dụ dàng, đẹp dễ dành cho các vai nghĩa khí, tiết phụ còn hoa có mùi thối là tên của kẻ nịnh, gian ác”.⁽¹⁰⁾ *Tổng tập Văn học Việt Nam* là tài liệu đầu tiên giới thiệu trọn vẹn 1 hồi của *Quần phương tập khánh*, đặt tên là “Hải Đường-Thạch Trú” và ghi rõ: “Vở này chúng tôi sao chụp lại bản lưu ở Viện Nghiên cứu Sân khấu (Bộ Văn hóa). Bản này do cố nghệ sĩ Nguyễn Lai, Nguyễn Nho Túy và Ngô Thị Liễu ghi lại và trình diễn ở Hà Nội năm 1970. Theo các nghệ sĩ thì tình tiết vở diễn hoàn đúng như nguyên bản, nhưng lời văn có chỗ không được chính xác”.⁽¹¹⁾ Như vậy, *Tổng tập* cũng không căn cứ vào thực tế văn bản của tác phẩm.

Quần phương tập khánh được nhắc tới lần đầu tiên với tư cách là chỉ dẫn về văn bản là tại *Tổng Huê*: “Nghiên cứu về *Quần phương* ở Huế, chúng tôi biết được 5 tập *Quần phương tập khánh* từ hồi 1 đến hồi 5 ở nhà ông Giám Cơ, Trưởng Đoàn hát Đồng Hỷ Ban, thường diễn ở rạp Đồng Xuân Lâu”, đồng thời tác giả lại cho biết “nhưng chưa rõ nội dung 5 hồi ấy”.⁽¹²⁾ Người đầu tiên giới thiệu văn bản vở tuồng này dưới góc độ nghiên cứu văn bản là hai ông Quách Tấn, Quách Giao trong *Đào Tấn và hát bội Bình Định*⁽¹³⁾ với mô tả văn bản do hai ông sở hữu và tóm tắt nội dung của văn bản đó. Tuy nhiên, đây mới chỉ là hồi 1 của vở tuồng.

Trong bối cảnh hiện nay, việc sưu tập các văn bản tuồng nói chung rất khó khăn. Một phần do thời gian đã lâu, văn bản tuồng do sự lưu truyền hữu hạn của nó thường còn lại là độc bản, các nghệ nhân người còn người mất, hậu nhân có người giữ nghiệp nhà mà nâng niu gìn giữ, có người coi thường mà bỏ tàn khuyết từ lâu. Các tàn bản còn lại (nếu có) nếu được lưu trữ trong các trung tâm lưu trữ công thì có nơi do điều kiện lưu trữ có hạn nên chưa kịp lên biên mục để tra cứu, nơi khác lại đưa vào kho hạn chế khai thác khiến việc tiếp cận càng trở nên khó khăn. Số còn lại được trân tàng trong các tủ sách thuộc sở hữu tư nhân thì việc tiếp cận nó phần nhiều phụ thuộc vào các mối quan hệ riêng hoặc tính cách của chủ nhân nên cũng không kém phần trở ngại. Riêng với trường hợp *Quần phương tập khánh*, độ dài của vở tuồng cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới sự truyền thừa của nó. Những vở tuồng có kết cấu thông thường dưới 4 hồi có khả năng được gìn giữ nguyên vẹn hơn là các vở tuồng trường thiên như *Quần phương tập khánh* có dung lượng của vở quá đồ sộ, dễ bị thất thoát nên sưu tập được một đôi hồi đã là một kỳ tích, chưa nói đến việc sưu tập được trọn bộ. Vì vậy, chúng tôi mong muốn giới thiệu toàn bộ các văn bản hiện còn⁽¹⁴⁾ của vở tuồng hát rất có giá trị này, ngõ hầu cung cấp cho người yêu văn chương cổ nước nhà, người ham mê tuồng hát có được một gương tượng dù chưa thể đầy đủ của *Quần phương tập khánh*.

II. Nghiên cứu văn bản *Quần phương tập khánh*

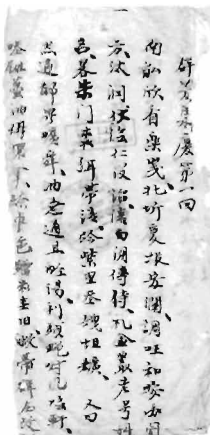
Dường như là một mối cơ duyên khi tác giả bài viết vào năm 2003 trong đợt khảo sát thư tịch Hán Nôm tại thành phố Huế⁽¹⁵⁾ đã được tiếp xúc với nguyên bản hồi 1 tuồng *Quần phương tập khánh* tại Phòng Nghiên cứu, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và được phép sao chụp lại.⁽¹⁶⁾ Năm 2008, sau rất nhiều cố gắng tìm thêm các văn bản khác của vở tuồng này chúng tôi đã được nhìn thấy 5 hồi liên tiếp (từ hồi 1 tới hồi 5) của nó trong Thư viện Viện Sân khấu và Điện ảnh, thuộc Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh (Hà Nội), dưới các ký hiệu HN.1, HN.2, HN.3, HN.4, HN.517.⁽¹⁷⁾ Ngoài hai văn bản trên, qua thông tin trong *Đào Tấn và hát bội Bình Định*,⁽¹⁸⁾ chúng tôi được biết hiện tại nhà ông Quách Tấn ở Nha Trang có giữ được hồi thứ nhất. Theo chỉ dẫn của hai ông Quách Tấn và Quách Giao đây là bản chép tay bằng bút lông, chữ chân rất đẹp, trên giấy Bắc đại khổ 28x15cm, dày 25 tờ, ở trang đầu có hai dấu son của vua, một hình chữ nhật 6,5x4,5cm khắc cổ tự, một hình thuẫn chiều ngang 5cm chiều đứng 7cm, khắc chữ chân. Theo hai ông thì đây có thể là nguyên bản. Tiếc là dù đã rất cố gắng nhưng chúng tôi chưa được tiếp cận văn bản, mà những dấu hiệu trên văn bản đó (như đã mô tả ở trên) là rất hữu ích cho việc nghiên cứu văn bản học cũng như góp phần khẳng định hoặc phủ định các giả

thiết về tác giả và niên đại văn bản. Khi có điều kiện, chúng tôi xin bổ sung sau. Tuy vậy, theo như lược thuật nội dung thì văn bản này hoàn toàn giống như hồi thứ nhất chúng tôi có trong tay. Sau đây là những thông tin cơ bản về 6 văn bản này. Trong đó chữ viết tắt VSK dùng để gọi các văn bản được lưu tại Viện Sân khấu và Điện ảnh, TT dùng để chỉ văn bản tại Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Cả 6 văn bản đều được chép trên giấy dó với chất lượng không đồng đều.

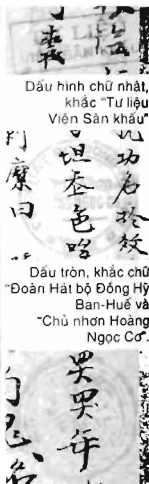
Hồi thứ nhất (gồm 2 dị bản)

Bản VSK (Ký hiệu HN.1)

Tờ bìa chép *Quần phương đệ nhất* 群芳第一 (Hồi 1 tổng *Quần phương*), trang 1a chép *Quần phương tập khánh đệ nhất hồi* 群芳集慶第一回 (Hồi 1 tổng *Quần phương tập khánh*). Hồi 1 có 23 tờ, mỗi tờ 2 trang. Ngoài trang đầu (1a) ghi tên tác phẩm và trang sau cùng (23a) có 4 dòng thì mỗi trang trung bình là 6 dòng, khoảng chừng trên dưới 20 chữ mỗi dòng. Văn bản đóng gáy chỉ, bốn phía sờn rách nhiều nhưng không mất nhiều chữ. Trong bản này có nhiều chỗ dập xóa thay bằng chữ khác hoặc chép thêm một đoạn chép lại hoặc thêm nội dung, nhiều chữ chép tắt giản tiện, hơi toáy. Chữ Nôm, phần thể xen giản thể, hành đá thảo.



Hồi 1, tr. 1a bản VSK



Dấu tròn, hoa văn, không có chữ

Trên văn bản có đóng 3 loại dấu dó: Dấu hình chữ nhật có khắc chữ "TƯ LIỆU VIỆN SÂN KHẤU", xuất hiện ở các trang từ 1a đến 4b; 5b; 6b; 7b; 8b; 9b; 10a; 10b; 11b; 12b; 13b; 14b; 15a,b; 16b; 17b; 18b; 19b; 20b; 21b; 22b; 23b. Dấu này được đóng sau khi thư viện mua được tài liệu năm 1976. Dấu tròn, khắc chữ vòng ngoài là "ĐOÀN HÁT BỘ ĐỒNG HỖ BAN - HUẾ", vòng trong khắc "Chủ nhân HOÀNG NGỌC CƠ". Dấu này xuất hiện ở các trang: 1a, 6a, 9a. Dấu tròn, hoa văn, không có chữ, kích thước nhỏ hơn dấu tròn ở trên; xuất hiện ở các trang: 2a, 3ab, 4ab, 5a, 7a, 8a, 9a, 10ab, 11a, 12a, 13a, 14ab, 15a, 16a, 17a, 18a, 19a, 20a, 21a, 22a. Dấu này phần lớn mờ nhiều.

Từ các dấu vết ở trên, ngoại trừ dấu hoa văn hiện chưa rõ xuất xứ và ý nghĩa thì cơ bản cũng xác định được trước khi năm trong tủ sách của Thư viện VSK, văn bản này được sử dụng trong ban hát tuồng mang tên là Đoàn hát bộ Đồng Hỷ Ban. Đoàn này do cụ Hoàng Ngọc Cơ, vẫn được gọi bằng tên Giám Cơ làm chủ nhiệm.⁽¹⁹⁾

Bản TT: Hồi này không còn trang bìa, trang 1 chép *Quần phương tập khánh diễn truyện đệ nhất hồi* 群芳集慶演傳第一回. Bản này có 58 trang, mỗi trang 06 dòng, mỗi dòng trung bình khoảng dưới 20 chữ (vì bản TT chúng tôi có trong tay chỉ là bản photo, chụp 1 mặt và đánh số thứ tự từ 1 đến 58, vì vậy, chúng tôi tôn trọng cách đánh số của bản photo này).

Văn bản đóng gáy chỉ, nhàu nát, bị hỏng mất lẽ bên trái nên hàng cuối cùng của mỗi trang lẽ và hàng đầu tiên của mỗi trang chẵn đều bị mất chữ. Việc mất chữ này chắc hẳn phải xảy ra trước khi được sưu tập về Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế bởi những hàng chữ mất này đã được chép lại ken vào hàng gần bên cạnh, tuy vậy, bút pháp chép lại không phải là bút pháp gốc của văn bản. Có thể hình dung rằng, người sở hữu văn bản này có được từ một nguồn khác, sau đó, khi gặp phải văn bản có phần tàn khuyết đã cố gắng phục hồi bằng cách phục chép vào bên cạnh, hoặc giả, tham khảo ở một bản khác rồi phục chế lại. Tuy vậy, từ trang 39 cho đến hết, văn bản này bị hỏng mất phần đầu làm cho mỗi hàng mất 1 đến 3, 4 chữ đầu tiên. Những chữ này không được phục chép lại trong văn bản nên chúng tôi cho rằng phần này chắc hẳn bị hỏng sau này, khi người bảo quản văn bản không có nhu cầu hoặc không có khả năng phục chép như trước đây.

Chữ chép trong văn bản là chữ Nôm thể khai, biên chép cẩn thận, chữ gốc (lần biên chép đầu tiên) của văn bản thống nhất với cách chép chữ Nôm phổ biến và đầy đủ các nét từ đầu đến cuối trong khi chữ chép lại (bổ sung sau khi mất chữ) sau này khá ẩu và viết giản thể. Khác với bản VSK, bản TT không có đóng dấu ấn nào.

Nghiên cứu so sánh bản VSK và bản TT cho thấy bản VSK chép tiêu đề tác phẩm tương đối giản lược trong khi đó bản TT chép đầy đủ. Thư pháp bản TT khác hẳn bản VSK, chữ chân khai đẹp, chữ chép ngay ngắn, phổ biến, đầy đủ các nét trong khi bản VSK chữ hành đá thảo, viết tắt nhiều, hàng lối chưa được chỉnh, chép lảm chép sai nhiều chỗ nên phải đập xóa, sửa chữa, đảo chữ nhiều. Điều này gợi ý cho chúng ta phỏng đoán có lẽ bản VSK là một bản được sử dụng trong biểu diễn hoặc được lưu truyền trong giới nghệ sĩ để dạy tuồng, hoặc là văn bản để ông *nhưng*⁽²⁰⁾ nhắc tuồng khi diễn trong khi bản TT có lẽ là một đề bản, người chép có trình độ chữ Hán cao và khá dụng công.

Về mặt nội dung, hai bản trên có một số sai khác. Bản VSK dừng lại ở đoạn bạch của Ngọc Trâm như sau:

Hồi 1, tr. 1, bản TT.

*"Hiền huynh thuở cố hương viễn biệt
Lão phu ra biên quận vãn điều
Đã ghe ngày khát vọng đồng liêu
Nay mới thấy có tin giao hữu
Sự mới ước xưa đồng chỉ phúc
Việc hôn nhân có vật minh..."*

Sau chữ "minh" là một đoạn trống văn bản, hiện trạng văn bản không cho thấy sự mất mát về mặt vật lý nào. Điều này cho phép chúng tôi suy luận rằng thực sự hồi thứ nhất theo bản VSK đến đây coi như là kết thúc.

Trong khi đó, bản TT có thêm một đoạn như sau:

*"...Việc hôn nhân có vật minh tâm
Ủy khát trấn nhận tín []⁽²¹⁾ lâm
Mừng quý tước hạc linh vãn thụ.*

Mạt Ly nói:

*"Liên hoàn ngọc tôi [] trình đó
Giao ước thư lại nộp theo đây
Xem lấy đó đót hay
Ngõ nhờ xin gởi [rể]."*

Ngọc Trâm nói:

*"Mấy vật ấy lão nhìn đã phải thế
Một lệnh lang sao nhảm hầy chưa đành
Hiền huynh chẳng nghi biểu đoan thanh
Công tử có sần thổ bì lậu
Đã tới đó thư đường nương náu
Gia nhân mời thư viện nghỉ ngơi
Chừ sau lão hầy phân lời
Kéo người đi mới gởi."*

Lại nói:

*"Hôn giá phải phân người
Giả chân chưa biện thị phi
Thọ vô cương tung chúc đan trì
Thần cần tấu hạ hồi phân giải."*

Theo cấu trúc chung của toàn văn bản *Quần phương tập khánh* (cũng như rất nhiều các văn bản tuồng khác), mỗi hồi được mở đầu bằng một đoạn giới thiệu gồm hai câu biển ngẫu, kết thúc bằng hai câu thơ thất ngôn mà câu cuối bao giờ cũng là "Thần cần tấu hạ hồi phân giải" và mạch văn tiếp với hồi tiếp theo, có thể khẳng định rằng, kết cấu như bản TT mới đảm bảo đủ nội dung của hồi 1. Không biết vì lý do gì bản VSK chỉ chép tới đây.

Ngoài sai khác về độ dài ngắn, nội dung cụ thể của văn từ hai bản cũng có đôi chút sai khác không đáng kể. Cụ thể xin xem bảng sau (ở đây chúng tôi xin không liệt kê những trường hợp đồng âm dị tự mà chỉ ghi nhận những sai khác về mặt nghĩa của chữ, do trong thực tế một âm đọc Nôm có thể được ghi bằng nhiều mã chữ khác nhau. Ví dụ chữ "thanh" trong câu "Thanh bạch dòng truyền thi lễ" bản TT, trang 1 dùng chữ 清 trong khi bản VSK, trang 1a dùng chữ 清 v.v..).

Tr.	Bản TT	Bản VSK	Tr.
1	Thầy nhuan hóa gọi nhân một trị	Thầy nhuan phục gọi nhân một trị	1a
2	Gái lại ngôn công nhân nhà	Gái lại công ngôn nhân nhà	1b
2	Hựu viết: Gái lại ngôn công nhân nhà	Gái lại công ngôn nhân nhà	1b
3	Kim ngọc đủ nghĩa kết lâu dài. Giao tất lại duyên càn tuyên bố.	Đạm quan san trẻ chờ khá nài. Thu thiên lộ cha không ngại dạ.	2a
4	Nhục từ lời xin thổ lộ	Ấu từ lời xin thổ lộ	2a
5	Tuy nữ lưu chữ thảo hóm mai	Tuy nữ lưu người thảo hóm mai	2b
6	Kim Tông viết	Kim Tông tán viết	3a
7	Gia bằng nghĩa trọng thân liên tình nồng	Giao bằng nghĩa trọng thân lân tình nồng.	3b
7	Lỗi thiên bảo trọng phương cung	Sương thiên bảo trọng phương cung	3b
7	Nam xướng: trải xem phong cảnh	Nam xướng: Lộ thượng trải xem phong cảnh	3b
8	Phong lĩnh thủy trung minh	Phong tĩnh thủy trung minh	4a
8	Nguyệt tuế tự hoan du	Tuế nguyệt tự hoan du	4a
9	Ngã Thạch Trúc nghiếp nhà tiểu tử	Ngã Thạch Trúc nghiệp nhân tiểu tử	4b
9	Chiếu về chợ lục đối châu	Chiếu về chợ duyên đối châu	4b
9	Đồng ổ tây thôn hữu thức vô	Đồng ổ tây lân hữu thức vô	4b
10	Sống Vĩ còn có kẻ giúp Chu	Sống Vĩ còn có kẻ giúp	5a
10	Ghênh Nghiêm lại không người phù Hán	Ghênh Nghiêm lại thêm người phù Hán	5a
11	Thú giang hồ quen chốn thiến thâm	Thú giang hồ đà quen chốn thiến thâm	5a
11	Chiếu toại gió trắng phỉ chí	Chiếu đạo gió trắng phỉ chí	5b
11	Sự nghiệp ấy cần vui	Sự nghiệp ấy càng vui	5b
13	Rau thịt về no đủ từ thân	Thịt rau về no đủ từ thân.	6a
13	Sẵn tiền bạc để lo chi tốn	Sẵn tiền của để lo chi tốn	6a
13	Lớn nhỏ dầu vật tốt từng thâu	Lớn nhỏ dầu vật tốt khó thâu	6a
13	Thêm lại cửa nhieu tiền bạc	Thêm lại cửa vàng bạc	6b
13	Lao trong tay cái từ xuất sinh	Lao trong tay cái từ sinh	6b
14	Nói cùng cha nghe đầy làm sau	Nói cùng cha nghe chuẩn làm sau	6b
14	Làm không ra việc lịch	Làm nên việc lịch	7a
15	Nhà phố phường chơi nhẹ nên thanh	Nhà phố phường chơi nhẹ niên thanh	7a
15	Quần bay theo hầu tao một mười hai	Quần bay hầu theo một mười , hai mười ,	7a
	mười, ba mười đứa cho đồng .	ba mười đứa cho đồng	
15	Gái nào lịch, chừng mười sáu	Gái nào lịch sự , chừng mười sáu.	7a
15	Xướng ngoại	Gia nhân xướng ngoại	7a

Ngoài những sai khác kể trên, điểm khác biệt đáng chú ý nhất ở hai văn bản là về tự dạng. Chúng tôi nhận thấy, có một số chữ trong bản *TT* được chép theo một cách khác với thông thường, trong khi cùng những chữ này ở bản *VSK* không có gì đặc biệt. Có thể phân thành các trường hợp như sau.

- Trường hợp 1

Nếu các chữ “điều 調 (âm Nôm đọc là điều/đều)” ở bản *VSK* hoặc viết giản thể bộ phận bộ thủ “ngôn 言”, hoặc viết tắt bộ phận chữ “chu 周” nhưng về tổng thể, tự dạng vẫn tuân theo tự dạng thông thường thì bản *TT* chép thống nhất viết khuyết phần trong của chữ “chu” 𠂔.

Bản TT	Trang	Bản VSK	Trang	Trong câu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
𠂔	1	調	1a	Đều uống hòa ăn đức muôn phương
Như trên	14	𠂔	6b	Trăm họ thấy đều kinh danh mỗ

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
nt	14	𢆶	6b	Al ai đều kinh cậu Thích Ma
nt	24	𢆶	10b	Thương cho đó khiến một khi đều thụ họa
nt	25	𢆶	11a	Tại công tử làm đều bạc ác
nt	26	𢆶	11b	Chúng dân đều phóng thích khoan nhiều
nt	27	𢆶	11b	Thầy đều di theo dõi.
nt	36	𢆶	15a,b	Truyền quân ta đều bắt cả đoàn
nt	37	𢆶	15b	Đều tan chúng khuyến dương
nt	47	𢆶	19b	Áo mạo đều mình mặc
nt	49	𢆶	20a	Thầy đều đà thất vật
nt	52	𢆶	21a	Ở đâu đều không đậu
nt	53	𢆶	21b	Ngoài tây di đều thầy lai hàng

- Trường hợp 2

Trong bản TT, thiên bàng “chân 眞” trong các chữ “trấn, xin, chân, diên, đen, chan, chần”, đều được viết khuyết 2 nét. Tuy vậy, việc viết như vậy không phải là triệt để do có một số chữ như trên vẫn được viết đầy đủ như trường hợp chữ “xin” trong câu “Anh xin suy nghĩ thiệt hơn” (tr. 5) v.v...

Bản TT	Trang	Bản VSK	Trang	Trong câu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
眞	3	眞	2a	Xuân Quang trấn quý công Tiết độ
Như trên	3	Như trên	2a	Miền biên trấn con tua phải tới
nt	13	nt	6a	Cha chức lớn Thu Huy Trấn thủ
nt	17	nt	8a	Ý thế quan Trấn tướng.
nt	19	nt	8b	Con quan trấn vốn là thằng nọ
nt	20	nt	9a	Về thừa với Trấn quan.
nt	20	nt	9a	Đồng hồ quyền long trấn nhất phương
nt	21	nt	9b	Thu Huy thành trọng trấn ài lang
nt	21	nt	9b	Nay một trấn võ chân con đó
nt	23	nt	10b	Nay Trấn tướng sai đem binh mã
nt	24	nt	10b	Nay hai ta vãng mệnh trấn quan
nt	25	nt	11a	Nay Trấn thủ dẫu không phân tự sự
nt	26	nt	11b	Nhất lệnh tiền Trấn quan truyền đến
nt	28	nt	12a	Tao Trấn tướng chi hung tàn, hung tàn
nt	33	nt	14a	Con Trấn tướng vốn là thằng quý
nt	34	nt	14a	Trấn quan vốn bạo tàn rất ác
nt	34	nt	14b	Phản nghịch hãn bạo tàn biên trấn .
nt	41	nt	17a	Sự hung ác Trấn quan làm trước
nt	54	nt	22a	Ta nghĩa tể Trấn quan rất trọng
nt	55	nt	22b	Xuân Quang thành Trấn thủ
眞	4	眞	2a	Ấu tử lời xin thổ lộ

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
nt	4	nt	2b	Xin đoái tưởng nhục nhi
nt	16	nt	7b	Xin hỏi gái giai than khóc
nt	17	nt	8a	Khuyến cậu xin hãy lưỡng
nt	25	nt	11a	Xin bắt ta khuyến tha các chúng dân
nt	26	nt	11b	Dấu sinh tử chúng dân xin theo lối
nt	43	nt	18a	Xin đừng chấp con già đại đột
nt	44	nt	18b	Xin cho vẽ dạng chân hình
nt	49	nt	20a	Xin tiên ông minh thị
nt	49	nt	20a	Xin tỏ nỗi bản nhân
nt	50	nt	20b	Xin vâng theo lên chốn liên đài
nt	53	nt	21b	Xin vào nhà tiểu tử.
nt	54	nt	22a	Nguyện xin làm gia bộc quý quan
nt	54	nt	22a	Xin lĩnh chức thư đồng
nt	56	nt	22b	Đệ gián thiếp xin vào ra mắt.
nt	57	nt		Ngô nhờ xin gửi [rể].
矣	18	迄	8a	Chân đó độc, chân đó độc
nt	19	nt	8b	Chân lỗ lược, chân lỗ lược
nt	24	nt	10b	Chân tặc tử, chân tặc tử
nt	34	nt	14b	Kham chân đáng ác hại dân
nt	42	nt	17b	Tử hải chân kỳ ngộ
nt	44	nt	18b	Xin cho vẽ dạng chân hình
矣	23	矣	10b	Đại thốn, chân đại thốn
類	21	類	9b	Xưa nhiều người xông lướt khỏi đen
nt	32	nt	13b	Cảm thương đấm nhận dân đen
漢	12	漢	5b	Cá hóm làm đá dặng chứa chan
換	21	換	9b	Nay một trấn võ chân con đỏ
蹀	41	蹀	17a	Gãy chân này số hề bởi đâu
顯	47	顯	19b	Tử chi dĩ diễn phiên
VIẾT NGUYÊN THỂ				
嘆	5	nưh bèn	2b	Anh xin suy nổi thiết hơn

- Trường hợp 3

Chữ “trực 直” được viết khuyết nét:

Bản TT	Trang	Bản VSK	Trang	Trong câu
直	26	𠂔	11b	Tróc phạm giả thị tào trực tiến
Như trên	28	Như trên	12a	Hiển quan, trực quan, biên địa tủng gian quan

Hỏi thứ hai (ký hiệu HN.2)

Không còn trang bìa, trang 1a chép *Quản phương tập khánh diễn truyện đệ nhị hồi* 群芳集慶演傳第二回. Văn bản này có 30 tờ, tờ 2 mặt, tờ 6 dòng, dòng

khoảng trên dưới 20 chữ, kích thước, chất liệu, thư pháp và các dấu hiệu trên văn bản giống như hồi 1 bản TT. (Dấu của Viện Sân khấu và Điện ảnh đóng ở tất cả các trang, dấu của Đoàn hát Đổng Hỷ Ban đóng ở trang 3a, 10b, 13b, 15b, 17b, 21b, 26b, 27b, 28b, 29b, 30b, không có dấu hoa văn như ở hồi 1 bản VSK).

Tình trạng văn bản này nói chung còn khá tốt, bên lề trái hơi nát, ngoài một số trang còn nguyên vẹn thì có một số trang chữ bị hỏng một nửa nhưng vẫn đoán được nội dung như 1a, 4a, 9a, 28a, một số trang mất hoàn toàn 1 hàng như 28a,b; 29a,b; 30a,b thì được chép lại bằng một tuồng chữ khác vào bên trái của hàng gần kề. Chữ chép lại này cũng giống như chữ phục chép văn bản tại hồi 1 bản TT.

Ở hồi 2 này, hiện tượng chữ viết bớt nét cũng xuất hiện. Điểm tương đồng với hồi 1 bản TT là chữ “điều” đều viết khuyết phần trong của thiên bằng “chu”. Chữ “chân” và những chữ có thiên bằng là chữ “chân” như “trấn, xin, rình” đều được viết khuyết hai nét ngang ở trong nhưng điểm khác biệt là nếu phần thiên bằng trong chữ Nôm “chân” (có nghĩa là chân tay được viết khuyết nét ở hồi 1 bản TT thì ở đây được viết như thường), hoặc chữ “trục” trong hồi 1 bản TT được viết khuyết 2 nét ngang ở trong thì ở hồi 2 nhất loạt viết như thường:

Chữ viết khuyết nét	Trang	Trong câu
(1)	(2)	(3)
	1a	Lưỡng kỳ tiết tự điều hòa
nt	4a	Đồ ăn đều hăm sốt
nt	6a	Hay giả mạo sao dám làm điều cả quyết.
nt	10a	Vào ăn trộm làm điều bách ác.
nt	11a	Điều hối nạp cứu trùng
nt	11b	Bởi tại gà sinh điều tai nạn
nt	11b	Đánh chúng thầy đều vỡ mặt
nt	12b	E lại thầy đều vào địa phủ
nt	17b	Ngô đều nâng ngọc giả.
nt	20a	Ta phải đều vâng lời quân thượng
nt	20b	Truyền quân nhân điều gã Kim sinh
nt	22b	Có các quan đều hội lại cho dựng tường
nt	23a	Điều kia há chẳng sáu tai
nt	23a	Minh trạng cáo vốn những điều toan khởi nguy
nt	24b	Thừa lưỡng phân, phân cũng điều lành
nt	26b	Ta đều khá trấn mình
nt	26b	Đi đều đi ai có phan binh
nt	26b	Đặt đều đặt mặc người nghị xử
	1a	Kim Ngọc kỳ duyên vị biện nhân tình chân giả
nt	6b	Thăm bá dương biệt nỗi giả chân
nt	19a	Bất hảo, chân bất hảo
nt	28a	Chân lợi hại, chân lợi hại
	1a	Xuân Quang thành Trấn tướng Ngọc Trâm
nt	1a	Trấn thành đồng nhận vãng kêu sương
nt	14a	Ta vào trấn bản thành

(1)	(2)	(3)
nt	16a	Thu Huy trấn trước thông lợi hại
nt	25a	Đấu trạng minh Thích Hồ Trấn quan
𠂔	2a	Xin mở lượng hải hà
nt	2b	Dám xin lượng thung huyền xét lại
nt	3a	Rộng lượng xin suy
nt	3a	Chữ, xin một phen tác phú để thi
nt	4a	Xin người, đã thường liết dám xin dừng tiếc
nt	5b	Xin khá găng và lời ngăm vịnh, đã nào.
nt	5b	Xin cho làm quốc ngữ
nt	6a	Dám xin bữa khác
nt	6b	Con xin qua thăm lại lại do
nt	9b	Xin suy lòng thương kẻ hạ ngu
nt	11a	Xin suy tình, xin suy tình
nt	13b	Cậu phải nghe xin chờ khá cái tình
nt	14a	Xin nuôi lấy song thân cho mổ
nt	19a	Xin giết đứa nịnh gian
nt	20b	Chuyên nghề xin xỏ nuôi mình
nt	21a	Xin mời anh tới trước triều dăng
nt	21b	Lạy các quan các chú xin tha
nt	22a	Lão Hà Hương xin nói cho người tướng
nt	22a	Xin Thừa tướng giữ bề nghiêm luật
nt	25a	Xin nhờ lượng các quan.
nt	26a	Xin tra loài đảng ác.
nt	28b	Xin thứ tội lão thần vô phụng sắc
𠂔	6a	Cậy các chú rình liến cả ghé.
		KHÔNG VIẾT KHUYẾT NÉT
直	13b	Phân khúc trực hãy còn nhiều thứ
nt	20a	Sẽ nhân mưu khúc trực phân trần
nt	21a	Lọ phải phân khúc trực
nt	30a	Tận tâm thần trực, lẽ dân bát biểu cửu an
𠂔	1b	Rày lệnh lang vắng mệnh dời chân

Các đặc điểm tương tự nhau về kích thước, thể chữ, bút pháp v.v... cho phép chúng tôi khẳng định hồi 1 bản TT và hồi 2 bản VSK vốn cùng một hệ văn bản. Việc viết khuyết nét thiếu thống nhất đem lại cho ta gợi ý về việc kiêng húy không triệt để, điều đó chứng tỏ việc kiêng húy này không phải là kiêng húy vua (húy nghiêm ngặt).

Hồi thứ ba (ký hiệu HN.3)

Không còn trang bìa, trang 1a chép *Quần phương tập khánh diễn truyện đệ tam hồi* 群芳集慶演傳第三回. Hồi 3 có 33 tờ, tờ 2 trang, ngoài trang đầu là trang ghi tên tác phẩm và trang sau cùng có 2 dòng thì mỗi trang trung bình là 7 dòng, khoảng chừng trên dưới 22 chữ mỗi dòng, tùy theo nội dung. Hồi này đóng gáy chỉ, còn tương đối nguyên vẹn, bản chép sạch sẽ, không dập xóa, tổng chữ thống nhất, khác hẳn 3 văn bản đã mô tả ở trên.

Trên văn bản có đóng 3 loại dấu. Hai dấu đỏ là dấu của VSK đóng trên tất cả các trang. Dấu của Đoàn hát Đồng Hỷ Ban đóng ở các trang 1a, 3b, 4b, 6b, 8b, 9b, 11b, 12b, 14b, 16b, 18b, 21b, 22b, 23b, 25b, 27b, 30b, 32b (Riêng trang 1a, dấu của Đồng Hỷ Ban đóng liền 3 lần, tập trung ở đầu trang). Trên văn bản này xuất hiện thêm một dấu khác đóng ở trang 1a và 16b, đóng đè lên dấu của Đồng Hỷ Ban, hình ovan có bẻ góc, khác 3 chữ là LÊ TRUNG CƯ 黎忠居, mực màu xanh Cửu Long. Hiện chúng tôi chưa tìm được thông tin về chủ nhân của con dấu này. Chữ chép trên văn bản không viết khuyết nét như hồi 1 bản TT và hồi 2 VSK.

Hồi thứ tư (ký hiệu HN.4)

Không còn trang bìa, trang 1a chép *Quần phương tập khánh diễn truyện đệ tứ hồi* 群芳集慶演傳第四回. Văn bản này có 27 tờ, kích thước, chất liệu, thư pháp, hiện trạng và các dấu hiệu trên văn bản giống như hồi 3 bản VSK. (Dấu của VSK hầu hết các trang. Dấu của Đoàn hát Đồng Hỷ Ban đóng ở các trang 1a, 2a, 3b, 4a, 6b, 7a, 9b, 10b, 11a, 12b, 14b, 16b, 17b, 18b, 19b, 21b, 22b, 23b, 25b, 26b. Dấu của Lê Trung Cư đóng chèn lên dấu của Đồng Hỷ Ban ở trang 1a, 27b và đóng độc lập ở trang 7b).

Hồi thứ năm (ký hiệu HN.5)

Không còn trang bìa, trang 1a chép *Quần phương tập khánh diễn truyện đệ ngũ hồi* 群芳集慶演傳第五回. Hồi 5 có 29 tờ, tờ 2 trang, ngoài trang đầu là trang ghi tên tác phẩm và trang sau cùng có 2 dòng thì mỗi trang trung bình là 7 dòng, khoảng chừng trên dưới 20 chữ mỗi dòng, tùy theo nội dung. Đóng gáy chỉ, còn tương đối nguyên vẹn, bản chép sạch sẽ, không dập xóa, tưởng chữ thống nhất, khác hẳn văn bản đã mô tả ở trên, chữ đã hơi nhỏ.

Các dấu hiệu trên văn bản: Trên văn bản ngoài dấu đỏ của VSK đóng trên hầu hết các trang, dấu của Đoàn hát Đồng Hỷ Ban ở các trang 1b, 9b, 13b, 19b, 23b, 27b, văn bản này xuất hiện một loại dấu khác hẳn 4 văn bản đã mô tả ở trên. Dấu hình chữ nhật, màu đỏ, đóng ở trang 1a và đóng giáp lai ở trang 29a. Trên dấu có khắc dòng chữ "THÉÂTRE DONG XUAN LAU RUE GIA LONG N.28 DEC-23". Đây là dấu của rạp Đồng Xuân Lâu 同存樓, còn gọi là Trường Bà Tuấn ở Huế. Vì không thông thạo tiếng Pháp cũng như thói quen sử dụng dấu ấn của rạp Đồng Xuân Lâu nên chúng tôi đã tham khảo ý kiến một số vị quan tâm tới vấn đề này và được gợi ý dòng DEC-23 có lẽ để chỉ thời gian là ngày 23 tháng 12, N. 28 có khả năng cao là viết tắt của chữ Nombre (số thứ tự) 28. Số thứ tự ở đây phải chăng là số thứ tự văn bản tưởng mà rạp sở hữu? Vấn đề có lẽ còn phải đợi khi có thêm tài liệu mới có thể xác quyết được. Nay tạm nêu ra ở đây như một vấn đề còn bỏ ngỏ. Ở dưới dấu còn khắc chữ bất đầu bằng chữ D, đây có thể là chữ ký của chủ rạp là bà Tuấn vũ Đặng Ngọc Oánh.⁽²²⁾



Dấu của rạp Đồng Xuân Lâu

Thông qua việc phân tích các đặc điểm văn bản học của các văn bản tưởng *Quần phương tập khánh* có thể sơ bộ chia thành hai hệ văn bản và những đặc điểm sau:

- Hệ 1: Hồi thứ nhất bản VSK. Gọi tên tác phẩm văn tắt là *Quần phương* hay *Quần phương tập khánh*, kết thúc ở giữa chừng, không trọn vẹn một hồi, nhiều dấu tẩy xóa, thay đổi chữ hoặc thứ tự của chữ. Hồi này có đáng đắp là một bản để biểu diễn hoặc một bản sao chép vụng về, thiếu cẩn thận.

- Hệ 2: Các văn bản còn lại. Gọi tên tác phẩm đầy đủ là *Quần phương tập khánh diễn truyện*. Các văn bản này đều khởi đầu bằng dòng tiêu đề theo mô thức: tên tác phẩm + số thứ tự hồi (đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ, đệ ngũ hồi), sau dòng tiêu đề này là hai câu biển ngẫu tóm tắt nội dung chính của hồi và kết thúc hồi bao giờ cũng bằng câu: "Thần căn tấu hạ hồi phân giải". Những văn bản này đều được biên chép khá cẩn thận, ngoài hồi 3, 4, 5 còn lại nguyên vẹn thì những chữ, dòng bị mất ở một số trang trong các hồi 1, 2 đều được phục chép lại trong văn bản tuy bằng một dạng chữ khác. Cũng căn cứ vào chữ viết, kích cỡ và cách biên chép của văn bản mà hệ 2 này lại chia thành 3 hệ văn bản gồm:

+ Hệ 2.1: Hồi 1 bản TT và hồi 2 bản VSK.

+ Hệ 2.2: Hồi 3 và 4.

+ Hệ 2.3: Hồi 5.

Tuy vậy, khi đi sâu vào nghiên cứu nội dung văn bản, chúng tôi lại nhận thấy có một số chi tiết đáng chú ý như: Tại hồi 1, hồi 2, hồi 3, hồi 4, tên vương quốc được dùng thống nhất là *Hương* quốc trong khi đó tại hồi 5 đều được dùng là *Phương* quốc. Hoặc là tên quân vương *Hương/Phương* quốc ở hồi 1, hồi 2, hồi 3, hồi 5 được gọi là *Mẫu Đơn* trong khi đó tại hồi 4 hoàn toàn bị thay thế bởi chữ *Hoa Ngọc*. Mặc dù về phương diện nội nghĩa, dùng chữ *Hương* hay chữ *Phương* cũng đều thể hiện được dụng ý của soạn giả để chỉ một vương quốc toàn các loài hoa (*hương* và *phương* đều là chỉ mùi thơm của các loài thảo mộc) hay *Mẫu Đơn* vốn được gọi là *hoa vương*, chúa tể các loài hoa thì *Hoa Ngọc* cũng được dùng với dụng ý tương tự, nhưng về phương diện văn bản học, đây lại trở thành một gợi mở về văn bản nguồn.

Căn cứ vào những mô tả nêu trên có thể sơ bộ kết luận, tuy 6 văn bản này được sưu tầm từ 2 nơi nhưng lại có cùng một nguồn gốc là từ Đoàn hát bộ Đồng Hỷ Ban. Riêng hồi 3 và hồi 4 tuy cũng như hồi 1, 2, 5 được Viện Sân khấu và Điện ảnh mua lại từ nhà cơ Giám Cơ năm 1976 nhưng trước đó có lẽ là gia tàng của ông Lê Trung Cừ. Còn hồi 5, có thể là văn bản được biểu diễn tại rạp Đồng Xuân Lâu và sau này được giao cho ông Hoàng Ngọc Cơ lưu trữ. Hồi 1 có vẻ như là một kịch bản để biểu diễn trong khi các văn bản còn lại có tính chất như kịch bản để trân tàng.

III. Một số vấn đề về niên đại văn bản *Quần phương tập khánh*, niên đại tác phẩm và tác giả

Tất cả các văn bản của *Quần phương tập khánh* hiện nay đều không có bất kỳ thông tin nào cho biết niên đại văn bản. Tuy vậy, căn cứ một số dấu hiệu trên văn bản hồi 1 bản TT và hồi 2 bản VSK lại có thể đưa đến một vài giả thiết về vấn đề này, đó là các trường hợp viết khuyết nét ở một số chữ nhất định.

- Trường hợp 1

Viết chữ "điệu" với thiên bàng "chu" khuyết toàn bộ phần bên trong. Hồi 1 bản TT chép thống nhất từ đầu đến cuối 31 với 13 trường hợp. Hồi 2 bản VSK

cũng chép tương tự như vậy 𠂔 với 18 trường hợp. Cách viết này đưa đến nghi vấn, liệu đây là cách viết tránh chữ “chu” hay chữ “điệu”. Theo khảo sát văn bản của chúng tôi, thì ở hồi 1 bản TT, trang 10 trong câu “Sông Vị còn có kẻ giúp Chu”, chữ “Chu” được viết đầy đủ 周; và tại trang 6a “Cha dẫu muốn tình xưa chu tất” chữ “chu” cũng được viết nguyên tự dạng. Điều này cho phép chúng ta có thể khẳng định ở đây, chữ được viết tránh chính là chữ “điệu” chứ không phải chữ “chu”. Điều này cũng loại trừ trường hợp đây là cách viết kỵ húy tên chúa [Nguyễn Phúc] Chu 洵.

- Trường hợp 2

Các thiên bàng “chân 𠂔” của các chữ “trần 𠂔” (19 trường hợp), “xin 𠂔” (16 trường hợp), “chân 𠂔” (6 trường hợp), “điền 𠂔” (1 trường hợp), “đen 𠂔” (2 trường hợp), “chan 𠂔” (1 trường hợp), “chân 𠂔” (1 trường hợp) ở hồi 1 bản TT và “trần 𠂔” (5 trường hợp), “xin 𠂔” (23 trường hợp), “chân 𠂔” (4 trường hợp) ở hồi 2 bản VSK đều được viết khuyết 2 nét ở trong. Việc thiên bàng “chân 𠂔” đều được viết như vậy gợi ý cho chúng tôi đi tới giả thiết rằng ở đây chữ cần viết tránh là chữ “chân” hoặc chữ có âm đọc là “chân”.

Khác với trường hợp chữ “điệu” ở trên được viết tránh một cách thống nhất thì chữ “chân 𠂔” được viết tránh không thống nhất. Trên cả văn bản hồi 1 bản TT lẫn văn bản hồi 2 bản VSK đều có thể tìm được những trường hợp không viết tránh như: Chữ “xin” trong câu “Anh xin suy nổi thiệt hơn” trang 5 bản TT, chữ “chân” trong câu “Rày lệnh lang vãng mệnh đời chân” ở trang 1b, bản VSK.

- Trường hợp 3

Chữ “trực 𠂔” được viết khuyết hai nét ở bên trong. Chữ “trực 𠂔” trong hồi 1 bản TT ở hai trường hợp xuất hiện ở trang 26 và 28 đều được viết như vậy. Trong khi đó, cùng chữ này ở hồi 2 bản VSK đồng loạt viết như thông thường (ở các trang 13b, 20a, 21a, 30a).

Tổng hợp cả 3 trường hợp nêu trên chúng ta thấy, chữ “điệu” được viết khuyết phần bên trong ở cả hai văn bản một cách thống nhất trong khi đó các trường hợp còn lại không quá nghiêm ngặt. Cách viết khuyết như vậy, gợi ý chúng tôi khảo xét các trường hợp viết kỵ húy dưới triều Nguyễn. Tìm ra nguyên nhân viết tránh như vậy sẽ là một trong những căn cứ vững chắc để xét đoán về niên đại của văn bản.

Khảo xét *Tiên nguyên toát yếu phả tiên biên* 僊源撮要譜前編 của Tôn Thất Hân⁽²³⁾ - bản biên chép về phả hệ và tên húy của các chúa Nguyễn, chúng tôi không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy trong những tên chúa Nguyễn và các vị hoàng tộc liên quan đã biết có liên quan đến một trong ba trường hợp trên. Khảo xét các định lệ kiêng húy triều Nguyễn từ lệnh kiêng húy đầu tiên năm Gia Long 2 (1803), năm Gia Long 15 (1816), năm Minh Mạng 1 (1820), năm Minh Mạng 6 (1825), Minh Mạng 14 (1833), Minh Mạng 15 (1834), Minh Mạng 17 (1836), 2 lệnh năm Thiệu Trị 1 (1841), 3 lệnh năm Thiệu Trị 2 (1842), Thiệu Trị 3 (1843), Thiệu Trị 4 (1844), Thiệu Trị 5 (1845), Thiệu Trị 7 (1847) (cuối năm này vua Tự Đức đã lên ngôi), Tự Đức 3 (1850), Tự Đức 4 (1851), Tự Đức 14 (1861), Kiến Phúc nguyên niên (1883), Kiến Phúc 1 (1884), Đồng Khánh

nguyên niên (1885), Đồng Khánh 1 (1886) chúng tôi chưa tìm được cứ liệu nào khá dĩ để tin rằng một trong ba chữ trên viết ký hủ hoàng tộc nhà Nguyễn.

Sau thời vua Đồng Khánh, theo Ngô Đức Thọ trong *Nghiên cứu chữ hủ*⁽²⁴⁾ thì trên các văn bản Hán Nôm đời Thành Thái có hiện tượng kiêng hủ chữ *chân*. Điều này được giải thích là kiêng hủ đồng âm với tên hủ của cha vua Thành Thái là [Nguyễn Phúc Ứng] Chân 眞, tức vua Dục Đức. Theo tác giả, khảo xét các văn bản thời Thành Thái thấy có hiện tượng kiêng hủ chữ trên nhưng không triệt để, “có thể nói từ đời Thành Thái trở về sau việc thực hiện các định lệ kiêng hủ chữ viết không còn quá nghiêm ngặt gò bó như trước nữa”.⁽²⁵⁾ Đây cũng là gợi ý để chúng tôi đi đến một giả thiết ban đầu rằng có lẽ văn bản hồi 1 bản TT và hồi 2 bản VSK được chép vào thời Thành Thái hoặc ít nhất là từ thời Thành Thái trở về sau và do người trong họ Nguyễn Phúc sao chép. Bởi lẽ khi nhà Nguyễn chỉ còn vai trò mờ nhạt trong vận mệnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thì những hủ ký của triều đại này có chăng cũng chỉ được tôn trọng về mặt hình thức hoặc theo quán tính sử dụng. Việc kiêng hủ được tuân thủ nghiêm ngặt nhất có lẽ bởi chính hậu duệ của dòng họ này. Việc có kiêng hủ nhưng không nhất quán cũng phần nào giải thích được một số điểm trong hai văn bản vẫn viết những chữ Nôm có thiên bàng “chân” nguyên dạng hoặc có chữ ở bản này thì viết khuyết nét ở bản kia thì không (chữ “trực”). Những trường hợp còn lại có thể là *ký hủ gia tộc*, có nghĩa là người biên soạn hoặc sao chép văn bản này trong quá trình sao chép đã cố ý tránh viết đầy đủ tự dạng những chữ có liên quan đến tên hủ của tổ tông, nhất là đối với dòng hoàng tộc.

Thực tế nghiên cứu văn bản học đã chỉ ra rằng niên đại của tác phẩm và niên đại của văn bản không phải là một. Trong nhiều trường hợp, niên đại của văn bản chỉ mang tính chất phụ trợ, để đưa ra một gợi ý về niên đại của tác phẩm. Có thể lấy một số ví dụ khá rõ ràng như văn bản *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* hiện còn là một văn bản được Trịnh Quán khắc in vào đầu thế kỷ XVIII (khoảng sau năm 1730), qua nghiên cứu ngôn ngữ văn tự học văn bản này Hoàng Thị Ngọc đã đẩy niên đại gốc của văn bản lên đến thế kỷ XV (đồng thuận với ý kiến này là nhà nghiên cứu Shimizu Masaaki), đến Nguyễn Quang Hồng, Nguyễn Tài Cẩn, tới Trần Trọng Dương, niên đại tác phẩm đã được đẩy lên thế kỷ XII.⁽²⁶⁾ Không ít trường hợp niên đại văn bản đã rõ ràng mà việc xác định niên đại tác phẩm vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn, huống chi những văn bản như *Quần phương tập khánh*, hoàn toàn không có thông tin gì về niên đại trên văn bản, lại còn là độc bản thì căn cứ duy nhất để xác định niên đại tác phẩm là *tìm hiểu về tác giả*. Trong trường hợp *Quần phương tập khánh*, việc nghiên cứu về tác giả lại đặt ra yêu cầu xác minh mối quan hệ giữa *Quần phương tập khánh* và các vở tuồng liên quan hay nói đúng hơn, có mô thức tương tự.

Các tài liệu nghiên cứu tuồng hiện nay khi nói về bộ ba tuồng kinh điển của triều Nguyễn hầu như đều không phân biệt giữa *Quần phương tập khánh* và *Quần trân hiển thủy* do không căn cứ trên văn bản thực tế, người sau trích dẫn người trước nên thường gọi đại khái là *Quần trân hiển thủy*, *Quần phương hiển thủy*/hoặc *Quần phương tập khánh*, hay gọi tắt là *Quần phương*, *Tập khánh* hoặc *Hiển thủy*. Đặc điểm nhận dạng của bộ này là tuồng nhiều

hỏi, biên soạn dưới chỉ dụ của vua triều Nguyễn, có nội dung dùng tên các loại thảo mộc để đặt tên nhân vật, cốt truyện hoàn toàn sáng tạo, không vay mượn của Trung Quốc. Đơn cử trường hợp của Hoàng Châu Ký trong *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng* hay *Tổng tập Văn học Việt Nam* (Tập 11) hoặc Tôn Thất Bình trong *Tuồng Huế* cho rằng: "*Quần phương hiển thụ*, còn có tên là *Quần phương tập khánh* hay *Quần phương hiển thoại* hoặc gọi gọn hơn là *Quần phương*".⁽²⁷⁾ Điểm quan trọng nhất chúng ta có thể nhìn thấy là trước Tôn Thất Bình - người trực tiếp nhìn thấy bộ *Quần phương tập khánh* tại nhà cụ Giám Cơ và hai ông Quách Tấn-Quách Giao, người trân tàng được hồi đầu tiên trong *Quần phương tập khánh diễn truyện* - cách gọi này cơ hồ không xuất hiện ở tài liệu nào khác.

Người đầu tiên đặt ra nghi vấn về cách gọi một vở tuồng bằng nhiều tên như trên là tác giả Quách Tấn-Quách Giao trong *Đào Tấn và hát bội Bình Định*.⁽²⁸⁾ Chủ kiến của tác giả căn cứ trên lời kể của các cụ trong tôn thất và đại khoa trong triều là Văn Bình Tôn Thất Lương, Thảo Am Nguyễn Khoa Vy và Ứng Bình Thúc Dạ Thị thì *Quần phương tập khánh* được Diên Khánh Vương sáng tác và lưu trữ trong cung từ thời Minh Mạng. Vở này dài 5, 6 chục hồi, nhân vật đều là hoa thảo được nhân cách hóa. Vua Tự Đức sắc cho Đào Tấn lấy những báu vật trên đời để sáng tác *Quần trân hiển thụ* để so tài với Diên Khánh Vương. Trước nay, việc Đào Tấn có sáng tác *Quần trân hiển thụ* hay không vẫn còn là một nghi án bởi đến nay vẫn bản này hiện vẫn trong tình trạng "văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình". Chứng cứ về chuyện này chỉ được biết tới thông qua bản "Tiểu sử cụ Đào Tấn" do người con trai là Đào Như Tuyên chiếu theo gia phả và bi minh, lược giảm, lược bỏ, phụng dịch vào năm 1943: "Năm Tự Đức 31 (1878) thăng "Thị độc" nội các phụng sắc diễn tuồng *Tử quốc lai vương*, *Quần trân hiển thụ* đến hồi 3".⁽²⁹⁾ Tuy nhiên, câu này có thể được hiểu theo hai nghĩa *Quần trân hiển thụ* có 3 hồi hoặc *Quần trân hiển thụ* có nhiều hồi nhưng Đào Tấn là người viết từ hồi 1 đến hồi 3. Có lẽ do ảnh hưởng từ tài liệu này, một số nhà nghiên cứu như Vũ Ngọc Liên trong *Thư mục tư liệu về Đào Tấn*⁽³⁰⁾ suy luận: Đào Tấn viết vở *Quần trân hiển thụ* đến hồi 3, hoặc tiến tới một bước nữa là Đào Tấn tham gia Ban Hiệu thư thì có khả năng vở này là kết quả sáng tác tập thể của Ban gồm Đào Tấn, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Thuật và một số tác gia khác. Lê Ngọc Cầu, trong *Nội dung xã hội và mỹ học tuồng cổ*⁽³¹⁾ hoặc Tôn Thất Bình⁽³²⁾ cho rằng đây có thể là một tập thể trong Ban Hiệu thư mà Đào Tấn là một thành viên. Trong trường hợp Đào Tấn viết từ hồi 1 đến 3 có nghĩa là còn những hồi khác nữa và có khả năng đây là tuồng trường thiên, nhưng nếu vở này chỉ có 3 hồi thì phải xếp nó vào tuồng vật như cách phân loại của Đàm Phương nữ sử. Ngoài tên gọi ra, hiện nay vì chưa tìm được văn bản nên khó có thể xác định được nội dung của vở này để có thể đưa ra xác quyết đây có phải tên gọi khác của *Quần phương tập khánh* hay không.

Quan điểm về chuyện *Quần phương tập khánh* do Diên Khánh Vương viết được cụ Ứng Tương (cháu nội An Thành Vương Miên Lịch) người từng có thời làm ở Tầng Cổ Viện (Huế) ủng hộ.⁽³³⁾ Diên Khánh Vương tên húy là Nguyễn Phúc Tấn hay còn gọi là Thán (1798-1854). Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, ông là con thứ bảy của vua Gia Long và là người em thân thiết của vua Minh Mạng đến nỗi nhiều lần phạm luật đều được vua bênh tha cho,

tiêu biểu như vụ ông cầm roi đánh Cai đội là Lê Văn Hương, vua Minh Mạng đã phải phân trần với các quan rằng “Việc Diên Khánh công đã làm có trái phép, các khanh hãy vì trăm tha thứ cho, từ nay về sau có kẻ nào bắt chước lỗi ấy thì không rộng tha nữa”.⁽³⁴⁾ Ông sống trải qua bốn triều vua là Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức nên rất được trọng vọng. *Liệt truyện* không đề cập gì đến sở thích cá nhân của ông, nhưng theo *Dại Nam thực lục* thì Diên Khánh công từng sai thuộc binh đi Bình Định bắt con hát bắt cả dân thường,⁽³⁵⁾ chi tiết này gợi mở về chuyện ông sinh thời rất ham mê tuồng hát. Hiện tượng này cũng không phải là lạ ở thời ông khi Định Viễn công Bình từng bị khiển trách vì lạm dụng thợ công làm mũ con hát gia đình,⁽³⁶⁾ thậm chí ham mê đến mức bắt con nhà người ta làm con hát để bị vua Gia Long phạt đánh roi hoặc như con ở của Kiến An công Đài trốn tới nhà Thống chế Kinh tượng Phạm Văn Diễn làm con hát v.v...⁽³⁷⁾ chứng tỏ đương thời tuồng hát rất thịnh. Việc Diên Khánh Vương chấp bút một bộ tuồng như vậy có lẽ cũng có thể hiểu được.

Bà Đạm Phương, trong bài tiểu luận của mình, có nêu tên một vở tuồng, có tên như một hình thức trung gian giữa *Quần trân hiển thụ* và *Quần phương tập khánh* là *Quần phương hiển thoại* (thoại ở đây cũng là thụ mà thôi) và đã xếp vở này vào hệ thống các vở tuồng như *Quần anh kiệt*, *Bắc Tống*, *Nam Tống*, *Ngũ hổ bình Liêu* v.v..., được tác giả xem là những vở tuồng vật (trong sự đối sánh với các tuồng trường thiên như *Vạn bửu trình tường*, *Học lâm*): “Lại khi châu hát trong Duyệt thị thời Nội các các quan có dâng nhiều vở tuồng mới, nếu pho tuồng nào hay thường được thưởng, lại sao chép thành đôi ba bản, phân trí các sở tàng thư”.⁽³⁸⁾ Như vậy ở đây, qua bài viết của tác giả, ta nhận ra hai điểm quan trọng: “Vị thời Nội các” ở đây là chỉ hoạt động Nội các dưới thời vua Minh Mạng⁽³⁹⁾ nên có thể thấy ít nhất *Quần phương hiển thoại* là một vở tuồng được sáng tác dưới thời vua Minh Mạng, không rõ tác giả, không phải là tuồng trường thiên. Vì tác giả chỉ nhắc tên mà không đề cập đôi nét về nội dung nên ta chưa thể kết luận gì về vở này. Hai ông Quách Tấn-Quách Giao thì khẳng định “vì những bộ tuồng ở trong cung không được phổ biến ngoài dân gian nên nhiều người đã lầm lẫn *Quần phương tập khánh* là *Quần trân hiển thụ*”, nhưng cũng không nhắc gì đến *Quần phương hiển thoại* của bà Đạm Phương. Tôn Thất Bình khi liệt kê các bộ tuồng Huế cũng liệt kê thêm *Quần phương hiển thụ* và cho là tác phẩm của Nguyễn Thuật. Tuy nhiên, chính tác giả này trong chuyên luận của mình cũng thiếu nhất quán khi xử lý những vấn đề liên quan tới những vở nói trên, có đoạn thì chia thành nhiều vở, nhưng ở đoạn sau lại cho nó là một. Những thông tin trái chiều như vậy mà không có cơ sở văn bản học khiến cho việc nhận chân vấn đề này càng khó khăn hơn.

Nghiên cứu so sánh *Quần phương tập khánh* và vở tuồng tương ứng với nó trong bộ ba tuồng trường thiên triều Nguyễn là *Vạn bửu trình tường*⁽⁴⁰⁾ thấy 5 hồi còn lại của *Quần phương tập khánh* thể hiện hai phong cách viết tuồng khá khác nhau. Cũng tương tự như vậy, về mặt văn phong, *Vạn bửu trình tường* khá đa dạng, không thống nhất qua các hồi gợi đến suy đoán rất có lẽ 10 hồi còn lại của *Vạn bửu trình tường* được nhiều người chấp bút. Sự xuất hiện của nhiều nhân vật thuộc tầng lớp dưới, gần với dân gian như người hầu, tỳ nữ, ngục tốt v.v... và sự trau chuốt ngôn ngữ của những nhân vật này trong *Vạn bửu trình tường* có thể gợi ý cho ta thấy rất có khả năng những người chấp bút là những ông quan của triều đình Huế, đi lên từ dân dã, quen thuộc lời ăn

tiếng nói của nhân dân. Suy đoán này của chúng tôi phần nào đã được chứng thực khi trong *Đại Nam thực lục chính biên Đề lục kỷ phụ biên*, sử liệu triều Thành Thái vừa xuất bản có chỉ dẫn: “Năm Đinh Mùi, Duy Tân thứ nhất (1907 Tây lịch)... Tháng 9... Hiệp biện Đại học sĩ Vinh Quang tử hưu trí Đào Tấn chết, chuẩn ban tể và tặng tuất như lệ (Tân người Bình Định, thi đỗ Cử nhân, giỏi từ khúc, sở trường về văn chương khôi hài, từng soạn các vở *Vạn bảo trình tường* cùng *Trầm hương các*, *Diễn vũ đình*, phần nhiều khiến người ta ưa thích.)”⁽⁴¹⁾ Như vậy, thông qua sử liệu hiếm hoi có ghi chép về tác giả của tuồng bản Việt Nam này có thể chắc chắn rằng ít nhất Đào Tấn có tham gia biên soạn *Vạn bảo trình tường*. Trong khi đó, với *Quần phương tập khánh*, hai hồi đầu tiên văn phong tương đối thống nhất, mạch văn trôi chảy, xây dựng hình tượng nhân vật khá chú trọng vào những nhân vật thuộc tầng lớp quan lại, quý tộc cho phép chúng ta có thể đi đến giả định người chấp bút rất có khả năng xuất thân từ hoàng tộc để đi đến ủng hộ quan điểm cụ Ứng Tương như đã nêu ở trên và giả thiết này có vẻ như cũng được củng cố thêm bởi những chỉ dẫn của hai ông Quách Tấn-Quách Giao về dấu hiệu hoàng tộc trên văn bản có trong tay.⁽⁴²⁾ Riêng từ hồi 3 trở đi và nhất là hồi 3, văn phong có đáng dấp khá tương đồng với *Vạn bảo trình tường* khiến chúng tôi gặp phải nhiều khó khăn trong lý giải mà với tài liệu hiện thời khó có thể đưa ra xác quyết nào.

Cùng dưới triều Nguyễn, theo Tôn Thất Bình còn có một vở tuồng khác là *Quần tiên hiển thọ* do Nguyễn Bá Nghi phụng chỉ viết dưới triều Minh Mạng.⁽⁴³⁾ Như vậy, có thể thấy ở đây xuất hiện các vở tuồng có tên với cùng một mô típ là *Quần tiên/phương/trần hiển thọ/tập khánh/hiển thọ (thoại)* với bộ ba pho tuồng *Quần tiên hiển thọ*, *Quần phương tập khánh* và *Quần trần/phương hiển thọ*. Đây là ba vở hay là các tên gọi khác nhau của cùng một vở? Với giả thiết này chúng ta có các chiều hướng phân tích như sau. Nếu chỉ căn cứ vào tên gọi, chúng ta có thể nhận thấy rằng rất có khả năng đây là ba vở tuồng với hệ thống nhân vật hoàn toàn khác nhau. Vở đầu phải chăng tên nhân vật sẽ là tên các vị thần tiên, *Quần phương tập khánh* như chúng ta đã biết là do tên các loại thảo mộc, và vở cuối cùng dùng tên các vật báu làm tên nhân vật. Một chiều hướng khác cũng phải tính đến là có thể ba vở này có cùng một cốt truyện nhưng mỗi lần hiệu chỉnh là lại dùng một hệ thống tên nhân vật mới thay thế vào hệ thống nhân vật cũ cho phù hợp với tên vở đã chỉnh sửa. Tuy nhiên, khả năng này ít có tính khả dụng bởi như *Quần phương tập khánh* mà nói, thì hệ thống nhân vật rất đặc thù do đặc điểm tính cách và phương thức hành xử của nhân vật phụ thuộc vào tính chất của loài thảo mộc mà nhân vật đó mang tên, cho nên việc thay thế tên gọi của các nhân vật thảo mộc bằng tên thần tiên hoặc tên vật báu tất yếu sẽ dẫn đến việc thay đổi nội dung kịch bản. Như thế, một vở tuồng hoàn toàn mới sẽ được xây dựng.

Có thể thấy, về phương diện niên đại tác phẩm và tác giả, trong trường hợp *Quần phương tập khánh* là một bộ tuồng riêng biệt khác với *Quần trần hiển thọ* và được Diên Khánh Vương sáng tác dưới thời Minh Mạng thì niên đại tác phẩm sẽ rơi vào khoảng từ 1820-1841. Nếu *Quần phương tập khánh* và *Quần trần hiển thọ* là một và được Đào Tấn hoặc Đào Tấn cùng một số tác giả khác chấp bút thì niên đại tác phẩm sẽ rơi vào khoảng những năm cuối triều Tự Đức, khoảng năm Tự Đức 31 (1878). *Quần phương hiển thọ* lại theo như mô tả của Đạm Phương nữ sử tuy được sáng tác dưới thời Minh Mạng nhưng lại xếp vào tuồng vật (tức là từ

1 đến 3 hồi) nên có lẽ không liên quan tới vấn đề chúng ta đang bàn ở đây, *Quần phương hiển thoại* chỉ có thể là *Quần phương tập khánh* khi bà Đàm Phương đã nhầm về bản chất tuồng trường thiên hay tuồng vặt của vở này mà thôi. Những tài liệu dù ít ỏi như trên đã đề cập đến đưa chúng tôi tới nhận định *Quần phương tập khánh* rất có khả năng được sáng tác vào giai đoạn từ triều Minh Mạng cho đến Tự Đức, dung sai khoảng mấy chục năm mà thôi.

Một cứ liệu cụ thể hơn cho phép chúng ta thu hẹp biên độ thời gian về thời điểm sáng tác của tác phẩm là ở màn giáo đầu ở hồi 1. Giáo đầu là khái niệm dùng trong biểu diễn nghệ thuật tuồng để chỉ mỗi khi bắt đầu diễn tuồng, để kêu gọi sự chú ý của khán giả đồng thời báo hiệu vở tuồng sẽ bắt đầu sau đó. Một nhân vật (thường là nhân vật phụ trong vở như quân lính, dân thường v.v...) chạy giáp vòng trên sân khấu và đọc một đoạn thơ ngắn. Giáo đầu chia thành hai loại: giáo đầu vở (bắt đầu vở tuồng, những hồi tiếp sau không có giáo đầu nữa), giáo đầu hồi (giáo đầu cho mỗi hồi). Những đoạn giáo đầu như vậy đã thành khuôn sáo thường có nội dung ca ngợi hoàng triều, chúc tụng điềm lành, đa phần là sáo ngữ. Như tuồng *Vạn bửu trình tường*, hồi 1 bắt đầu bằng câu:

*"Thần chi hiển thụ,
Manh giáp trình tường.
Quán tam tài để đức quang minh,
Ca ngũ phúc hoàng [] số cống."*

Hay hồi 39:

*"Thong thả dân vui bốn thú,
Rõ ràng trời ứng năm sao.
Ngoài ruộng cù trôi khúc ca dao.
Trong lễ nhạc mở nền thanh trị."*

Tuy nhiên, trong một số trường hợp hiếm hoi, đoạn giáo đầu lại có một vài thông tin chỉ dẫn tới niên đại trên của văn bản như tuồng *Nhạc Hoa Linh*:

*"Rồng châu sơn Thuấn,
Phụng múa đền Nghiêu.
Mừng Nam triều nối nghiệp quốc vương,
Lầu đất Việt thần truyền thánh kể."*

Câu này cho thấy ít nhất tác phẩm này được sáng tác sau khi thành lập triều Nguyễn, bởi từ đây mới có khái niệm Nam triều.

Cũng tương tự như vậy, chữ "Bắc Kỳ" được nhắc tới trong giáo đầu tuồng hồi 1 vở *Quần phương tập khánh* là cứ liệu quý giá cho thấy vở tuồng ít nhất cũng được sáng tác sau năm 1834, khi vua Minh Mạng đổi địa danh Bắc Thành dưới thời Tây Sơn và Nguyễn Gia Long thành Bắc Kỳ (chỉ phần đất từ Ninh Bình trở ra bắc). Điều này, cho phép chúng ta xác định "niên đại trên" của tác phẩm là năm 1834, dưới triều vua Minh Mạng.

Một điểm nữa cũng cần phải nhắc tới khi tìm hiểu niên đại tác phẩm bằng nội chứng là cách gọi vua Phương/Hương quốc. Trong 5 hồi hiện còn, chữ "quốc trường" xuất hiện 6 lần, trong khi có 1 lần dùng chữ "quân trường", 1 lần dùng chữ "quốc quân", 1 lần dùng chữ "quân vương", ngoài ra còn có một số cách dùng khác để chỉ ngôi vua như "hoàng vương" (2 lần), "chủng tể" (3 lần) v.v... Trong chín chúa mười ba đời vua nhà Nguyễn, "quốc trường" là danh hiệu chính

thức tấn phong cho vua Bảo Đại năm 1949.⁽⁴⁴⁾ Điều này dễ dẫn chúng ta đi tới kết luận về niên đại khá muộn của tác phẩm. Tuy vậy, theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (chính biên)*, chữ “quốc trưởng” là danh xưng chính thức được vua Nguyễn Gia Long sử dụng trong các văn kiện ngoại giao.⁽⁴⁵⁾ Dĩ nhiên này cùng với việc *Quần phương tập khánh* đồng thời dùng nhiều danh xưng khác nhau để gọi cùng một ngôi hoàng đế khiến chúng tôi thiên về giả thiết thứ hai và cho rằng chữ “quốc trưởng” được sử dụng trong văn bản này là theo thói quen từ thời vua Gia Long mà không phải là danh xưng được dành cho vua Bảo Đại về sau và độ lùi về mặt thời gian so với thời Gia Long đã cho phép việc gọi tên người đứng đầu quốc gia bằng nhiều khái niệm tương ứng. Cứ liệu này tuy không cho chúng ta thêm một chỉ dẫn nào cụ thể về niên đại trên hoặc niên đại dưới của văn bản nhưng lại cho thấy tính phức tạp trong các tầng lớp cứ liệu lịch sử ảnh hưởng tới việc sáng tác *Quần phương tập khánh*.⁽⁴⁶⁾

Ở một phương diện khác, mô thức đặc biệt của *Quần phương tập khánh* và cùng với nó là *Vạn bầu trình tường* là tên các nhân vật đều là các loài thảo mộc có dược tính, kết hợp với nhau theo những nguyên lý nhất định cho phép đặt câu hỏi về thời điểm ra đời của nó. Trong các vị vua triều Nguyễn, vua Tự Đức vốn là người có thể chất yếu ớt nhất. Trong *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ông đã nhiều lần tâm sự về tình trạng sức khỏe của mình: “Vốn bẩm sinh bạc nhược, xưa nay chưa có ai khí chất yếu kém như vậy”,⁽⁴⁷⁾ rồi thì “Trăm thật lắm bệnh, lại ở chốn thâm cung thấp khí nặng nề, nên ngồi lâu thì chóng mệt, nói nhiều thì hết hơi, trong lòng muốn nói nhưng sức không đủ. Điều này ai cũng biết là không phải mới sinh ra, mà xưa nay vốn thế”.⁽⁴⁸⁾ Vua Tự Đức là người bẩm sinh đã có nhiều tật bệnh, “cho nên từ thuở ấu thơ, niên thiếu, cho đến già lão luôn luôn lấy bệnh làm bạn bè, mượn thuốc làm bản mệnh, cơ hồ chưa hề gián cách một ngày.”⁽⁴⁹⁾ Tình trạng sức khỏe như vậy khiến vua Tự Đức không những rất quan tâm về phương diện y học, và cải thiện trình độ y dược trong cung (ngay trong *Tự Đức ngự chế văn tam tập* đã chép tới hai đạo dụ cầu thầy thuốc giỏi⁽⁵⁰⁾ và hai đạo dụ khác có nội dung trách phạt các viên Thái y bất tài và trễ nải công việc)⁽⁵¹⁾ mà tri thức của nhà vua về phương diện này cũng có phần hơn người. Tự Đức vốn được đánh giá là một ông vua có văn tài hơn võ trị và có niềm đam mê văn chương cũng như để lại nhiều tác phẩm có giá trị thì việc vua tự hợp đình thân đem các loài thảo mộc làm thuốc ra để xây dựng thành một vở tường là một điều dễ hiểu. Nhất là khi thân mẫu, người có ảnh hưởng lớn tới vua Tự Đức - Từ Dụ Hoàng Thái hậu là người rất mê hát tường.

Bên cạnh đó, một vài chi tiết trong *Quần phương tập khánh* cho phép chúng ta suy đoán về niên đại tác phẩm có khả năng cao là rơi vào thời Tự Đức. Niên đại trên của văn bản được xác quyết như đã nêu ở trên là năm 1834 dưới thời vua Minh Mạng, vị vua này để lại dấu ấn trong lịch sử bằng thái độ quyết liệt phủ định chế độ Tổng trấn và dưới triều đại của mình, nhà vua đã “xóa sổ” chế độ này để xác lập một chính quyền dân sự trọng văn tài. Trong khi đó, ít nhất là trong 5 hồi đầu *Quần phương tập khánh* hiện còn không có nhiều thái độ phê phán chế độ Tổng trấn một cách một chiều. Nếu Thích Hồ đại diện cho một Tổng trấn phản diện thì Ngọc Trám lại đại diện cho Tổng trấn chính diện và sau đó trở thành một trong những lực lượng tham gia tích cực và hiệu quả trong cuộc đấu tranh chống phe phái Lăng Tiêu rồi sau nữa là các thế lực ngoại

bang. Điều này đòi hỏi phải đẩy niên đại lên trước thời Minh Mạng, khi chế độ Tổng trấn đã phát huy vai trò của nó trong buổi đầu dựng nước nhưng lại mâu thuẫn với thời điểm 1834 đã được xác định ở trên. Từ bỏ cách lập luận này chúng ta có thể suy đoán rằng có thể niên đại của vở tuồng là muộn hơn, sau thời Minh Mạng, khi dấu ấn về những đợt sóng tận diệt chế độ Tổng trấn đã lắng dịu trở lại, đã không còn dư ba ghê gớm như những ngày đầu.

Có ý kiến cho rằng những miêu tả về một trận chiến bạo liệt với hỏa pháo xung xa diễn ra ở trang 14a, hồi 5 như:

*"Vọt vọt đạn tuôn lỗ đố,
Đùng đùng pháo phát lừng vang.
Khói mịt mù gang tác khuôn phấn,
Lòng bối rối thiệt hư khó định."*

Hay như:

*"Súng pháo đều ngã gập,
Quân nhân thầy nằm ngay.
Chết giờ đầu lúc ngục như đất cày,
Chạy luống cuống thầy [16b] lay như cồng cuộc."*

có phảng phất hình bóng xa gần cuộc tấn công của tàu thuyền nước Pháp dưới thời chúng đánh thành Hà Nội vào cuối thế kỷ XIX vốn đã gây một chấn động lịch sử trong ký ức nhiều thế hệ để đề nghị đẩy niên đại của tác phẩm này xuống cuối thời Tự Đức hoặc xa hơn. Chúng tôi cho rằng, suy luận như vậy tuy có một số căn cứ của nó nhưng có lẽ không thực sự sát thực với điều kiện của *Quần phương tập khánh* bởi cuối thời Tự Đức về sau, triều Nguyễn phải đối đầu với một cục diện mới - thời thuộc địa, tuồng hát cũng qua giai đoạn đỉnh cao. Đây có lẽ không phải là thời điểm thích hợp để triều đình có tâm thế và lực lượng để sáng tác những vở tuồng trường thiên với mục đích mua vui. Chúng tôi cho rằng, những "ám ảnh" kiểu này, nếu có, có lẽ rơi vào giai đoạn tảo kỳ và trung kỳ thời Tự Đức bởi vua cha - vua Thiệu Trị, người có ảnh hưởng to lớn tới vua Tự Đức, trong thời gian làm vua ngắn ngủi của mình (7 năm) đã gặp phải một "cú sốc" về tinh thần khi lực lượng thủy quân được vua coi là niềm tự hào của triều đình đã bại trận trước lực lượng liên quân phương Tây. Trận đánh diễn ra năm 1847 của Pháp ở cửa biển Đà Nẵng tuy chưa giúp chúng "đặt chân" lên đất Việt nhưng đã để lại cho triều đình nhà Nguyễn vốn đang ở trong thời kỳ đỉnh cao của thịnh trị cuối thời Minh Mạng - đầu thời Thiệu Trị những dấu ấn sâu sắc về sự bất lực của lực lượng quân sự đất nước. Trận đánh diễn ra năm 1847 là một nguyên nhân gián tiếp dẫn tới cái chết của vua Thiệu Trị, lúc ấy vua Tự Đức đã thành niên, hoàn toàn có thể thấu hiểu được tâm trạng của vua cha cũng như tâm thế đất nước lúc bấy giờ.

Quần phương tập khánh là một trong những bộ tuồng cung đình có nhiều hồi, vượt lên trên kết cấu cơ bản chỉ giới hạn trong ba tới năm hồi hiếm hoi còn lại của triều Nguyễn. Qua các tư liệu gián tiếp có thể thấy được, ở thời đại của nó, *Quần phương tập khánh* có một vị trí khá quan trọng trong sinh hoạt văn học tuồng cũng như biểu diễn tuồng tại Huế. Cho tới nay các nghệ nhân tuồng Huế vẫn còn truyền tụng những lớp diễn kinh điển trong *Quần phương tập khánh* như "Kim Bộ Diêu/Dao bị đau", "Kim Bộ Diêu cứu Hải Đường, Thạch Trú" hay "Mai Lục Ngạc che dù" xứng đáng làm mẫu mực trong nghệ tuồng. Tiếc là thời gian không trân quý cái đẹp, vở tuồng vốn được xưng tụng là có

hơn trăm hồi, diễn liền trong hàng trăm đêm nay chỉ còn lại 6 văn bản của 5 hồi đầu tiên. Những thông tin về nó đa phần là những giai thoại mà ít nhiều không có cứ liệu lịch sử chắc chắn, những tài liệu nghiên cứu sau này bắt buộc phải làm vào tình trạng "đi ngoa truyền ngoa" bởi không tiếp cận trực tiếp vào văn bản. Cơ duyên đã đưa chúng tôi gần với những tàn tích của nó và quả thật chỉ qua mảnh đầu tiên của toàn bộ tác phẩm đã có thể thấy được tầm vóc của tác phẩm về phương diện văn chương và đồng thời là toàn bộ tính phức tạp của nó về mặt văn bản, từ góc độ các truyền bản và con đường đi của truyền bản, những dấu hiệu về niên đại văn bản, niên đại tác phẩm và tác giả. Trong bối cảnh các cơ tầng lịch sử lớp lớp chồng chéo, ảnh hưởng theo nhiều cách khác nhau vào văn bản, những dấu tích có được không những rất mờ nhạt mà có lúc lại mâu thuẫn, tự phủ nhận lẫn nhau, chúng tôi tạm thời cần cứ vào những thông tin có được hiện tại để đưa ra giả thiết *Quần phương tập khánh* là một tác phẩm rất có thể được biên soạn dưới thời Tự Đức, do đình thần triều Tự Đức biên soạn, trong đó có khả năng có sự tham gia của nhà soạn tuồng nổi tiếng Đào Tấn trong việc biên soạn hoặc hiệu chỉnh (một số hồi). Niên đại văn bản rất có khả năng muộn hơn một chút, có lẽ là được chép khoảng thời Thành Thái hoặc sau đó. Hy vọng, cơ duyên lại có thể đưa đẩy chúng tôi đến được với những phần còn lại của *Quần phương tập khánh* để có thể phục dựng lại diện mạo của vở tuồng này trong lịch sử, và hơn thế góp phần khẳng định hoặc phủ quyết những ức thuyết từ trước tới nay về bộ tuồng cung đình này."

N T L

CHÚ THÍCH

- (1) Hoàng Châu Kỳ (1973), *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng*, Hà Nội: Nxb Văn hóa, tr. 101.
- (2) Nguyễn Lộc (1998), *Từ điển Nghệ thuật hát bội Việt Nam*, Hà Nội: Nxb KHXH, tr. 470.
- (3) Có lẽ chữ này sai do lỗi morat, chúng tôi tôn trọng nguyên bản nên dẫn trung thực với bản gốc.
- (4) Hoàng Châu Kỳ (2000), *Tổng tập Văn học Việt Nam (Tập 11)*, Hà Nội: Nxb KHXH. Hoàng Châu Kỳ không cung cấp thông tin về việc những bản ông sưu tầm được là bản chữ Nôm hay bản ghi lại theo lời kể của nghệ nhân. Xét việc trong phần trích tuyển vở này ông đã dùng bản ghi của các nghệ sĩ biểu diễn năm 1970 tại Hà Nội thì có lẽ các văn bản ông tiếp cận được chưa phải là văn bản gốc.
- (5) Đàm Phương nữ sử (1923), "Lược khảo về tuồng hát An Nam", *Nam Phong tạp chí*, 76(10), tr. 305.
- (6) Hoàng Châu Kỳ, *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng*, sdd, tr. 97.
- (7) Lê Văn Chiêu (2008), *Nghệ thuật sân khấu hát bội*, TP HCM: Nxb Trẻ, tr. 64.
- (8) Đoàn Nồng (1943), *Sự tích và nghệ thuật hát bội*, Hà Nội: Mai Lĩnh.
- (9) Tôn Thất Bình, *Tuồng Huế*, Huế: Nxb Thuận Hóa, tr. 146.
- (10) Lê Văn Chiêu, *Nghệ thuật sân khấu hát bội*, sdd, tr. 87.
- (11) Hoàng Châu Kỳ, *Tổng tập Văn học Việt Nam (Tập 11)*, sdd, tr. 699.
- (12) Tôn Thất Bình, *Tuồng Huế*, sdd, tr. 181.
- (13) Quách Tấn và Quách Giao (2007), *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc, tr. 366-370.
- (14) Chữ "hiện còn" ở đây được hiểu là theo sở kiến của tác giả tính tới thời điểm bài viết được hoàn thành. Độc giả có biết thông tin nào về những văn bản khác xin cung cấp cho chúng tôi để vở tuồng được hiện thể với diện mạo đầy đủ nhất có thể. Chúng tôi xin cảm tạ và tri ân.
- (15) Trong khuôn khổ đề tài độc lập cấp nhà nước về "Sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Hán Nôm Huế" do PGS, TS Nguyễn Văn Thịnh làm chủ nhiệm đề tài.

* Bài viết được hoàn thành nhờ sự hỗ trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED). NTL.

- (16) Tôi xin tỏ lòng cảm ơn chân thành tới các cán bộ của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi tiếp xúc và khai thác tài liệu này.
- (17) Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo Viện Sân khấu và Điện ảnh, tập thể cán bộ thư viện của Viện đã nhiệt tình hỗ trợ trong quá trình khai thác tài liệu ở đây.
- (18) Quách Tấn và Quách Giao, *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, sđd, tr. 366-370.
- (19) Theo Nguyễn Lộc, *Từ điển nghệ thuật hát bội Việt Nam*, sđd, tr. 170 thì Đoàn hát bội Đồng Hỷ Ban được thành lập vào khoảng năm 1947, 1948 gồm toàn thiếu niên từ 12 đến 15 tuổi do ông Hoàng Ngọc Cơ chủ trương, người giảng dạy và quản lý nghệ thuật là nghệ nhân Viên Bờ, Lốp Nậy và anh Chồn. Những diễn viên trẻ của đoàn này sau trở thành đào kép chính của gánh hát tại rạp Đồng Xuân Lâu như cô Kim Phúc, Túy Nguyệt, cô Thu, Úi, Nờ, anh Răng, Tít. Các vở diễn được ghi nhận là *Phạm Công Cúc Hoa*, *Mã Long Mã Phụng*, *Chầu Lý Ngọc*, *Hỏa hầu tình*, *Tây du*. Đồng Hỷ Ban hoạt động khoảng 12 năm tại rạp Đồng Xuân Lâu.
- (20) Dùng để chỉ bầu gánh, thường kiêm vai nhắc tướng cho diễn viên.
- (21) [] là ký hiệu để chỉ vị trí bị mất chữ. Những chữ để trong [] là những chữ đoán đọc (nếu là trường hợp chữ của văn bản gốc quá mờ), hoặc là chữ do người phiên dịch thêm vào theo logic của mạch văn.
- (22) Rạp Đồng Xuân Lâu nằm ở đường Ngã Giữa, về sau là đường Gia Long rồi đổi thành đường Phan Bội Châu, nay là đường Phan Đăng Lưu, thành phố Huế, do bà Tuấn vũ Đặng Ngọc Oánh (còn gọi là Kim) cai quản. Cụ Giám Cơ là con nuôi của bà Tuấn. Rạp này thịnh nhất vào khoảng năm 1925 với sự biểu diễn của đoàn Kim Sanh. Nhiều ban hát đã từng biểu diễn ở đây như Kim Chung, Tiếng chuông vàng Bắc Việt, đoàn cải lương Hồ Quảng, đoàn Đồng Ấu Ban v.v... (Theo hồi ký của Bác sĩ Lê Văn Lân, http://www.art2all.net/tho/tho_vlan/levanlan_truongbatuan.htm). Rạp này chính thức bị phá bỏ chỉ còn lại cái cổng vào năm 1983, đến năm 1988 cổng này cũng bị triệt hạ nốt.
- (23) Tôn Thất Hân, *Tiên nguyên toát yếu phả tiên biên*, Hà Nội: Viện Nghiên cứu Hán Nôm, VHv. 1758.
- (24) Ngô Đức Thọ (1997), *Chữ hủi Việt Nam qua các triều đại (Les caractères interdits au Vietnam à travers l'Histoire)*, Hà Nội: Nxb Văn hóa.
- (25) Ngô Đức Thọ, *Chữ hủi Việt Nam qua các triều đại*, sđd, tr. 73.
- (26) Xin xem Hoàng Thị Ngo, (1999), *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm 'Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh'*, Nxb KHXH, Hà Nội; Shimizu Masaaki (2002), "Khảo sát sơ lược về cấu trúc âm tiết tiếng Việt vào thế kỷ XIV-XV qua hai cú liêu chữ Nôm", trong *Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam* (Tập 2), Nxb Thế giới, Hà Nội; Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học chữ Nôm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội; Nguyễn Tài Cần (2010), "Một bản dịch Nôm đầu đời Lý: bản *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*", tạp chí *Hồn Việt*, số 33, tháng 03 năm 2010, tr.6-8; Trần Trọng Dương (2010), "Phật thuyết" có phải là dịch phẩm Nôm của thế kỷ XII?", tạp chí *Ngôn ngữ*, 4 (263), tr. 31-47.
- (27) Tôn Thất Bình, *Tướng Huế*, sđd, tr. 179.
- (28) Quách Tấn và Quách Giao, *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, sđd, tr. 95, 96.
- (29) Vũ Ngọc Liễn (2006), *Đào Tấn qua thư tịch*, Hà Nội: Nxb Sân khấu, tr. 9.
- (30) Vũ Ngọc Liễn, Bùi Lợi, Mạc Côn và Ngô Quang Hiến (1985), *Thư mục tư liệu về Đào Tấn*, Nghĩa Bình: Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nghĩa Bình, Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, Nhà hát tuồng Nghĩa Bình, tr. 8.
- (31) Lê Ngọc Cầu và Phan Ngọc (1984), *Nội dung xã hội và mỹ học tuồng đồ*, Hà Nội: Nxb KHXH, tr. 403, 404.
- (32) Tôn Thất Bình, *Tướng Huế*, sđd, tr. 163.
- (33) Tôn Thất Bình, *Tướng Huế*, sđd, tr. 180.
- (34) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện (chính biên)*, Huế: Nxb Thuận Hóa, tập 2, tr. 58.
- (35) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962-1978), *Đại Nam thực lục*, Hà Nội: Nxb KHXH, tập 2, tr. 445.
- (36) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962-1978), *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 2, tr. 237.
- (37) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1962-1978), *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 3, tr. 30.
- (38) Đạm Phương nữ sử (1923), "Lược khảo về tướng hát An Nam", *Nam Phong tạp chí*, số 76 (10), tr. 305.

- (39) Nội các là cơ quan thành lập năm 1829 dưới thời Minh Mạng. Đến năm 1933 vua Bảo Đại đổi thành Ngự tiền Văn phòng.
- (40) Dựa trên các văn bản gốc do chúng tôi sưu tập từ nhiều nguồn. Nghiên cứu về *Vạn bửu trình tường* sẽ được trình bày ở các bài viết sau.
- (41) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2011), Cao Tự Thanh (dịch và giới thiệu), *Dại Nam thực lục Quốc biên Độ lục kỷ phụ biên*, TP Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa-Văn nghệ, tr. 487.
- (42) Quách Tấn và Quách Giao, *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, sdd.
- (43) Tôn Thất Bình, *Tướng Huệ*, sdd, tr. 137
- (44) Ngày 1 tháng 7 năm 1949, Chính phủ Lâm thời Quốc gia Việt Nam tấn phong vua Bảo Đại là Quốc trưởng, Trung tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng.
- (45) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (chính biên)*, Lê Bộ, quyển 128, *Đệ văn thư*, nguyên bản chữ Hán ký hiệu A.54/16 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm), tr. 88a “嘉隆元年奉刊清國公文均書滿洲國文 - Gia Long năm đầu, những công văn gửi sang triều Thanh [vua] đều tự xưng là Quốc trưởng”.
- (46) Chúng tôi xin tỏ lòng cảm ơn GS Nguyễn Huệ Chi và PGS. TS Phạm Văn Khoái về những gợi ý ở điểm này.
- (47) *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ký hiệu VHv.2270/1, quyển 3, tờ 11b “加以賦受甚薄古今人皆未嘗有如此”.
- (48) *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ký hiệu VHv.2270/1, quyển 2, tờ 2b, 3a: “朕歲多病, 深慮遺體太微, 久半則憂多, 則則已乏, 心付欲言而力不給, 此人所共知, 匪今伊昔然”.
- (49) *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ký hiệu VHv.2270/1, quyển 3, tờ 11b: “故自幼而壯而老與病為鄰, 倚愛為命, 雖一日之間亦未常少”.
- (50) *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ký hiệu VHv.2270/1, quyển 2: Dự xét cử lương y 命京學良醫論; quyển 3: Dự cấu lương y 求能醫論.
- (51) *Tự Đức ngự chế văn tam tập*, ký hiệu VHv.2270/1, quyển 3: Dự dạy dỗ hoàng tử, giảng phạt Thái y Nguyễn Tấn 訓飭皇子降責人醫院費論 và VHv.2270/2, quyển 6: Trách phạt Thái y và răn dè thần công 皆違太醫示臣工論.

TÓM TẮT

Bài viết trình bày những kết quả khảo cứu về văn bản học đối với các văn bản tuồng *Quần phương tập khánh* hiện còn. Đây là một trong ba bộ tuồng trường thiên nổi tiếng dưới thời Nguyễn, được truyền tụng là có hơn trăm hồi, diễn liên trong hàng trăm đêm, nay chỉ còn lại 6 văn bản của 5 hồi đầu liên. Các bản này đều rất phức tạp về mặt văn bản, từ góc độ các truyền bản và con đường di của truyền bản, những dấu hiệu về niên đại văn bản, niên đại tác phẩm và tác giả. Từ việc khảo cứu các văn bản hiện còn, tác giả đưa ra giả thiết *Quần phương tập khánh* là một tác phẩm có thể được biên soạn dưới thời Tự Đức (1848-1883), do các đình thần triều Tự Đức biên soạn, trong đó có khả năng có sự tham gia của nhà soạn tuồng nổi tiếng Đào Tấn trong việc biên soạn hoặc hiệu chỉnh (một số hồi). Niên đại của các văn bản tuồng hiện còn có khả năng muộn hơn một chút, có lẽ được chép khoảng thời Thành Thái (1889-1907) hoặc sau đó.

ABSTRACT

VALUABLE ARCHIVES OF A CLASSIC DRAMA IN THE IMPERIAL COURT OF NGUYỄN DYNASTY - THE *QUẦN PHƯƠNG TẬP KHÁNH*

The article presents the research results of textual criticism on the “Tuồng” scripts of *Quần phương tập khánh* (The whole people wish the Emperor a long life). This is one of the three famous traditional theatre operas under the Nguyễn Dynasty handed down to consist of hundreds of acts and performed continuously in hundreds of nights, but now there are only six texts of the first 5 acts left. These archives are very complex with regard to the text as seen from the preserved texts and their steps, signs of the date of texts, works and authors. From the study of the remaining texts, the author suggests that the classic drama of *Quần phương tập khánh* might be compiled under the reign of Emperor Tự Đức (1848-1883) by his court officials among them the eminent “Tuồng” composer Đào Tấn is likely to participate in compiling or editing (some acts). The date of the remaining texts can be a bit later, possibly recopied around the time of Thành Thái's reign (1889-1907) or later.